

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Nhân;
2. Ông Nguyễn Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 1991, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do anh chị không cùng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 người con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 15/10/1993 và Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28/3/1999, hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh chị không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 22/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị E được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 1991, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nay chị E yêu cầu ly hôn anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 15/10/1993 và Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28/3/1999, hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu; Về nợ chung: Anh chị không nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị E và anh V có đơn xin xét xử vắng mặt HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị E và anh V.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị E xin ly hôn với anh V nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị E và anh V sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991 nhưng đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị E yêu cầu ly hôn, anh V đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc E và anh Lê Văn V.

[4] *Về con chung:* Chị E và anh V xác định anh chị có 02 người con chung tên Lê Thị Diễm M và Lê Huỳnh Đ, các cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Chị E, anh V khai không nợ ai.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị E là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo

biên lai thu số 0000016 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc E và anh Lê Văn V.

2. *Về con chung:* Đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Chị E, anh V khai không nợ ai.

4. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Ngọc E là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000016 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ